

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước
trên địa bàn huyện năm 2016**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 108/TTTr-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2016; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2016 của huyện Bà Rịa, cụ thể như sau:

1. Về thu ngân sách

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2016: 659 tỷ 064 triệu đồng.

Tổng thu cân đối ngân sách địa phương năm 2016: 596 tỷ 566 triệu đồng, bao gồm các khoản thu sau:

- Các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng: 102 tỷ 260 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 454 tỷ 306 triệu đồng, trong đó: bổ sung cân đối ngân sách là 65 tỷ 470 triệu đồng, bổ sung có mục tiêu là 388 tỷ 836 triệu đồng.

- Thu kết dư ngân sách: 40 tỷ 000 triệu đồng.

2. Chi ngân sách

Tổng chi ngân sách địa phương: 596 tỷ 566 triệu đồng.

2.1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 595 tỷ 666 triệu đồng, gồm các khoản chi:

- Chi đầu tư phát triển: 182 tỷ 955 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 387 tỷ 711 triệu đồng, gồm các khoản chi sau:

+ Chi sự nghiệp kinh tế:	52 tỷ 417 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề:	141 tỷ 798 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp Y tế:	20 tỷ 308 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp VH TT - TDTT:	6 tỷ 259 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình:	1 tỷ 650 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ:	600 triệu đồng.
+ Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:	22 tỷ 541 triệu đồng.
+ Chi Quản lý hành chính:	46 tỷ 378 triệu đồng.
+ Chi An ninh quốc phòng:	14 tỷ 020 triệu đồng.
+ Chi khác ngân sách:	5 tỷ 185 triệu đồng.
+ Chi ngân sách xã:	76 tỷ 555 triệu đồng.
- Dự phòng:	25 tỷ 000 triệu đồng.

2.2. Các khoản chi được quản lý qua ngân sách: 900 triệu đồng.

(Đính kèm chi tiết dự toán thu, chi ngân sách năm 2016)

3. Cân đối thu, chi ngân sách 2016:

- Tổng thu: 596 tỷ 566 triệu đồng.

- Tổng chi: 596 tỷ 566 triệu đồng.

- Kết dư: không.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai nhiệm vụ thu, chi ngân sách theo Nghị quyết đã phê duyệt (trong đó có tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2016); đồng thời tổ chức quản lý, kiểm tra việc thực hiện ngân sách theo đúng quy định.

Hội đồng nhân dân huyện chấp thuận nhiệm vụ thu và nội dung chi ngân sách năm 2016 cũng như các nhiệm vụ, biện pháp trong điều hành ngân sách năm 2016 theo báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện tại kỳ họp. Nếu có vấn đề phát sinh về ngân sách, dự phòng ngân sách và vốn đầu tư xây dựng cơ bản, không thể chờ kỳ họp, Ủy ban nhân dân huyện thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện xem xét giải quyết và báo cáo lại trong kỳ họp gần nhất.

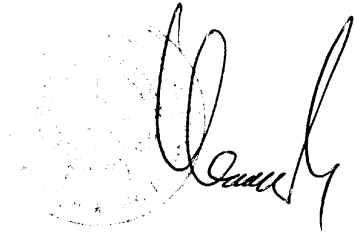
Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện và các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng khoá I, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2015 và có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- TT.Huyện ủy;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, phòng ban huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT. *W, va*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Chí

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016**HUYỆN BÀU BÀNG**

(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 05/2015/NQ-HĐND ngày 22/ 12/2015
của HĐND huyện Bầu Bàng)

Chỉ tiêu	Dự toán HĐND huyện giao
Tổng chi NSDP (A+B+C)	596.566
A. Chi cân đối NSDP (I+II+III+IV)	595.666
<u>I. Chi đầu tư phát triển</u>	<u>182.955</u>
- Vốn phân cấp theo tỷ lệ điều tiết	72.955
- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ	70.000
- Vốn ngân sách huyện	40.000
<u>II. Chi thường xuyên</u>	<u>387.711</u>
<u>1. Chi sự nghiệp kinh tế:</u>	<u>52.417</u>
- Chi sự nghiệp lâm nghiệp	
- Chi SN N.nghiệp- Thủy lợi	5.429
- Chi SN giao thông	17.813
- Chi kiến thiết thị chính	8.440
- Chi SN môi trường	14.330
- Chi sự nghiệp kinh tế khác	6.405
<u>2. Chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề:</u>	<u>141.798</u>
- Sự nghiệp giáo dục	138.581
- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	3.217
<u>3. Chi sự nghiệp y tế</u>	<u>20.308</u>
<u>4. Chi sự nghiệp VH-TT-TD-TT</u>	<u>6.259</u>
- SN VH-TT	5.159
- SN TD-TT	1.100
<u>5. Chi SN phát thanh truyền hình</u>	<u>1.650</u>
<u>6. Chi SN khoa học và công nghệ</u>	<u>600</u>
<u>7. Chi đảm bảo xã hội</u>	<u>22.541</u>
<u>8. Chi quản lý hành chính</u>	<u>46.378</u>
- Chi quản lý nhà nước	30.363
- Chi hoạt động của cơ quan Đảng	9.974
- Cho h/động của các tổ chức chính trị xã hội, hỗ trợ hội	6.041
<u>9. Chi AN-QP địa phương</u>	<u>14.020</u>
- Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn XH	5.500
- Chi quốc phòng địa phương	8.520
<u>10. Chi khác ngân sách</u>	<u>5.185</u>
<u>11. Chi ngân sách xã</u>	<u>76.555</u>
<u>III. Chi chuyển nguồn</u>	
<u>IV. Dự phòng (huyện, xã)</u>	<u>25.000</u>
B. Các khoản chi được quản lý qua ngân sách nhà nước	900
- Học phí	900
- Viện phí	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2016**HUYỆN BÀU BÀNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015
của HĐND huyện Bầu Bàng)

Chỉ tiêu	Dự toán HĐND huyện giao
Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (I+II+III+IV)	659.064
I. Thu từ SXKD trong nước	164.758
<i>NSDP được hưởng</i>	<i>102.260</i>
<u>1. Thuế ngoài quốc doanh</u>	<u>72.848</u>
- Thuế môn bài	900
- Thuế giá trị gia tăng	62.954
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.961
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	140
- Thuế tài nguyên	136
- Thu khác	757
<i>T/đó: huyện quản lý</i>	<i>600</i>
<u>2. Thu lệ phí trước bạ</u>	<u>3.400</u>
<u>3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp</u>	<u>900</u>
<u>4. Thuế nhà đất, thuế sd đất phi nông nghiệp</u>	<u>2.800</u>
<u>5. Thuế chuyển quyền sử dụng đất</u>	
<u>6. Thu tiền bán, thuê nhà thuộc SHNN</u>	
<u>7. Thu tiền cho thuê đất, mặt nước</u>	<u>50.000</u>
<u>8. Thu tiền sử dụng đất</u>	<u>9.210</u>
<u>9. Thu phí và lệ phí</u>	<u>3.500</u>
<i>Trđó: Phí, lệ phí của TW, tỉnh</i>	<i>850</i>
<u>10. Thuế thu nhập cá nhân</u>	<u>10.700</u>
<u>13. Thu khác ngân sách</u>	<u>11.400</u>
- Học phí	900
- Thu khác	10.500
II. Thu bổ sung từ NS cấp trên	454.306
<u>1. Bổ sung cân đối ngân sách</u>	<u>65.470</u>
+ <i>Bổ sung ổn định 2011-2015</i>	<i>65.470</i>
<u>2. Bổ sung có mục tiêu</u>	<u>388.836</u>
<u>3. Bổ sung ngoài kế hoạch</u>	
III. Thu kết dư	40.000
PHÂN CÂN ĐỐI	
TỔNG THU	596.566
TỔNG CHI	596.566
BỘI THU, BỘI CHI	0